

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ KHOÁI CHÂU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 568 /TB-UBND

Khoái Châu, ngày 05 tháng 10 năm 2026

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản năm 2024;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2025/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản; số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 và được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15;

Căn cứ Quyết định số 2794/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (nay là xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên);

Căn cứ Quyết định số 2795/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (nay là xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên);

Căn cứ Quyết định số 2796/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu về việc đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (nay là xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên);

Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá như sau:



1. Tài sản đấu giá: Quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở tại dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới xã Bình Kiều để đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở (nay là xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên), cụ thể như sau:

STT	Ký hiệu suất đất	Số lượng	Diện tích (m ²)	Giá khởi điểm dự kiến (đồng/m ²)	Đặc điểm, vị trí
I	KHU LKE	8	698,00		
1	LKE-1	1	94,0	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKE-2	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKE-3	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKE-4	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
5	LKE-5	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
6	LKE-6	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
7	LKE-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
8	LKE-8	1	94,0	40.250.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 01 đường ĐT.383: Từ khu dân cư đến giáp xã Đông Kết, Phạm Hồng Thái và 01 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
II	KHU LKC	8	698,0		
1	LKC-1	1	94,0	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKC-2	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKC-3	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKC-4	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
5	LKC-5	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)

6	LKC-6	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
7	LKC-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
8	LKC-8	1	94,0	40.250.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 01 đường ĐT.383: Từ khu dân cư đến giáp xã Đông Kết, Phạm Hồng Thái và 01 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
III	KHU LKD	8	698,00		
1	LKD-1	1	94,0	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKD-2	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKD-3	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKD-4	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
5	LKD-5	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
6	LKD-6	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
7	LKD-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
8	LKD-8	1	94,0	40.250.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 01 đường ĐT.383: Từ khu dân cư đến giáp xã Đông Kết, Phạm Hồng Thái và 01 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
IV	LK-I	4	374,5		
1	LKI-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKI-8	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKI-9	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKI-10	1	119,5	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)

V	LK-J	10	919,0		
1	LKJ-1	1	119,5	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKJ-2	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKJ-3	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKJ-4	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
5	LKJ-5	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
6	LKJ-6	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
7	LKJ-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
8	LKJ-8	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
9	LKJ-9	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
10	LKJ-10	1	119,5	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
VI	LK-K	10	919,0		
1	LKK-1	1	119,5	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
2	LKK-2	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
3	LKK-3	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
4	LKK-4	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)

5	LKK-5	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
6	LKK-6	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
7	LKK-7	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
8	LKK-8	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
9	LKK-9	1	85,0	30.000.000	Giáp đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
10	LKK-10	1	119,5	34.500.000	Thửa đất có vị trí ở góc, tiếp giáp 02 đường rộng từ 15m trở lên (bao gồm cả vỉa hè, lề đường...)
Tổng cộng		48	4.306,5		

2. Tổng giá khởi điểm: 136.043.250.000 đồng (Một trăm ba mươi sáu tỷ không trăm bốn ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản:

- Căn cứ theo Phụ Lục I của Thông tư số 19/2024/TT-BTP, ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo luật số 37/2024/QH15.

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

TT	NỘI DUNG	Mức tối đa
I	Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	
II	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	19,0
1.	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	10,0
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0
2.	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	5,0

2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0
3.	Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên Đổi với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Công thông tin điện tử của Sở Tư pháp	2,0
4.	Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liên kế đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến	1,0
5.	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
III	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	16,0
1.	Phương án đấu giá đề xuất được hình thành đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
1.1	Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
1.2	Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả	2,0
2.	Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)	4,0
3.	Phương án đấu giá đề xuất được đổi tương và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá	4,0
3.1	Đổi tương theo đúng quy định của pháp luật	2,0
3.2	Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá	2,0
4.	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giã, bao đùm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá	4,0
IV	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản	57
1.	Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liên kế (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	15
1.1	Dưới 20 cuộc đấu giá	12
1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15
2.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liên kế	7,0

	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7
3.	Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7
4.	Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3,0
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3,0
4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = $(U \times 3)/Y$	
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3)/Y$	
5.	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6

5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7
6.	Số lượng đầu giá viên của tổ chức hành nghề đầu giá tài sản	4,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
6.1	01 đầu giá viên	2
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đầu giá viên	3
6.3	Từ 05 đầu giá viên trở lên	4
7.	Kinh nghiệm hành nghề của đầu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đầu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đầu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về ban đầu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đầu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về ban đầu giá tài sản hoặc Thẻ đầu giá viên theo Luật đầu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đầu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đầu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đầu giá tài sản)	4,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
7.1	Dưới 05 năm	2
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3
7.3	Từ 10 năm trở lên	4
8.	Kinh nghiệm của đầu giá viên hành nghề	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
8.1	Không có đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3
8.2	Có từ 01 đến 03 đầu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4
8.3	Có từ 4 đầu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5
9.	Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đầu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)	5,0
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5

V	Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)	8,0
1	Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá. Từ đầu năm 2025 đến thời điểm ra thông báo này đã thực hiện đấu giá thành ít nhất 20 đến 50 hợp đồng dịch vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hưng Yên trước khi sáp nhập.	2,0
2	Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá với người có tài sản (UBND xã Khoái Châu) và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó trong năm 2025.	2,0
3	Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.	4,0
Tổng số điểm		100

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá

Hồ sơ bao gồm: Tổ chức hành nghề đấu giá nộp 01 bản tự chấm điểm theo thông báo này và bộ hồ sơ năng lực, đóng quyền có đầy đủ tài liệu đính kèm.

- **Thời gian nộp hồ sơ:** 03 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (*Trong giờ hành chính*).

- **Hình thức nộp hồ sơ:** Nộp trực tiếp tại phòng Kinh tế xã Khoái Châu.

- **Địa chỉ nộp hồ sơ:** Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu; Địa chỉ: xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên. Điện thoại liên hệ 0973085185 (đ/c Ngân phòng Kinh tế xã Khoái Châu)

Ủy ban nhân dân xã Khoái Châu thông báo để các tổ chức hành nghề đấu giá biết và đăng ký tham gia./. *u*

Nơi nhận:

- Công Đấu giá tài sản quốc gia;
- Chủ tịch các PCT UBND xã;
- Công TTĐT xã Khoái Châu;
- Lưu: VT, PKT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Trung Kiên